

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TK
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/ HSST
Ngày 14 tháng 8 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TK - CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Doãn Trường

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thế Hạp;

2. Bà Phùng Thị Phương;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lý Thị Hoài- Thư ký Toà án nhân dân huyện TK - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/HSST, ngày 02/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS ngày 03/8/2018 đối với các bị cáo:

1. **Nông Đình D**, Tên gọi khác: không có, Sinh ngày 30 tháng 9 năm 1973 Tại: Đ, TK, Cao Bằng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng Trình độ học vấn: 1/12; Con ông: Nông Hoàng G, sinh năm 1941; Nghề nghiệp: Hưu trí; Con bà: Nông Thị P, sinh năm 1942 (Đã chết); Điều trú tại xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Nông Thị D, sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con: bị cáo có 2 con, lớn tuổi nhất 20 tuổi, nhỏ tuổi nhất 10 tuổi.

Tiền án,Tiền sự: không

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 17/5/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Lục Văn C, Tên gọi khác: không có, Sinh ngày 17 tháng 05 năm 1982 Tại: Đ, TK, Cao Bằng; Nơi NĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm Đ- BR, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12; Con ông: Lục Văn T, sinh năm 1948 (Đã chết); Con bà: Triệu Thị L, sinh năm 1952; Điều trú tại xóm Đồng Tâm-BR, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ: Nông Thị R, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: xóm Đồng Tâm-BR, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con: bị cáo có 2 con, đều được 12 tuổi.

Tiền án,Tiền sự: không

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 18/5/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Trương Huy B, tên gọi khác: không có, Sinh ngày 11 tháng 05 năm 1993 Tại: Ia Lâu, Chư Prông, Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: xóm B, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1963; Con bà: Đàm Thị B, sinh năm 1965; Điều trú tại Ia Lâu, Chư Prông, Gia Lai; Anh chị em ruột: bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Nông Thị O, sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: xóm B, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Con: bị cáo có 1 con, 8 tuổi.

Tiền án,Tiền sự: không

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 18/5/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Nông Thị H, Tên gọi khác: không có, Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1991 Tại: Chí Viễn, TK, Cao Bằng; NĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm BG, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nông Văn L, sinh năm 1962; con bà Nông Thị V, sinh năm 1963; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại xóm T, xã C, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: bị cáo là con

thứ 4 trong gia đình có 4 anh chị em; Chồng: Nông Thanh D, sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: xóm BG, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con: bị cáo có 2 con, lớn tuổi nhất 8 tuổi, nhỏ tuổi nhất hơn 1 tuổi.

Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 18/5/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. **Nông Thị D**, Tên gọi khác: không có, Sinh ngày 02 tháng 12 năm 1974 Tại: Đ, TK, Cao Bằng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nông Đình T, sinh năm 1942 (Đã chết); Con bà Nông Thị T, sinh năm 1942 (Đã chết); Điều trú tại xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chồng: Hoàng Ích P, sinh năm 1973; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con: bị cáo có 1 con 22 tuổi.

Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 18/5/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. **Nông Thị H1**, Tên gọi khác: không có, Sinh ngày 18 tháng 9 năm 1969 Tại: Đ, TK, Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nông Văn Ấ, sinh năm 1938 (đã chết); Con bà Mã Thị H, sinh năm 1933 (Đã chết); Anh chị em ruột: bị cáo có 6 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Chồng: Hoàng Ích K, sinh năm 1968; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con: bị cáo có 2 con, lớn tuổi nhất 25 tuổi, nhỏ tuổi nhất 24 tuổi.

Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 18/5/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

****Người có quyền lợi liên quan***

- Đàm Văn L, sinh năm 1981

Nơi cư trú: xóm L, xã C, huyện P, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- Nông Đình H,

Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt không có lý do).

****Những người làm chứng***

- Hoàng Ích C, sinh năm 1979

Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt)

- Nông Thị D, sinh năm 1976

Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt).

- Triệu Văn Đ. sinh năm 1972

Nơi cư trú: xóm T, xã N, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt không có lý do).

NỘI D VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 5 năm 2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TK bắt quả tang các đối tượng Lục Văn C, trú tại: xóm Đ- BR, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Trương Huy B, trú tại: xóm B, xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nông Thị H, Nông Thị B cùng trú tại: xóm BG - Khuổi Ky, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Hoàng Ích C; Nông Thị D; Nông Thị H1; Nông Thị D cùng trú tại xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng và Triệu Văn Đ trú tại xóm T, xã N, huyện TK, tỉnh Cao Bằng đang có đánh bạc tại nhà bếp của Nông Đình D, trú tại: xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Vật chứng thu giữ gồm: 06 bộ tú lơ khơ loại 52 lá; 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng tiền Việt Nam) thu ở trên bàn đánh bạc; 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) thu trên gác bếp nhà Nông Đình D và 575 NDT (năm trăm bảy mươi năm đồng nhân dân tệ tiền Trung Quốc). Ngoài ra còn tạm giữ 8 chiếc điện thoại di động và 13 chiếc xe mô tô tại sân nhà Nông Đình D và một số vật chứng khác có liên quan.

Qua đấu tranh khai thác, Lục Văn C; Trương Huy B; Nông Thị H; Nông Thị D; Nông Thị H1 khai buổi tối ngày 7/5/2018 đến nhà Nông Đình D chơi, thấy có 04 người không rõ tên, tuổi địa chỉ đang ngồi dưới bếp nhà Nông Đình D đánh phỏm nên xuống xem, một lúc sau đông người quá nên chuyển sang hình thức đánh ba cây trầu làng, dùng bộ bài 52 lá để đánh, mỗi ván ăn thua bằng tiền Việt Nam từ 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) hoặc tiền Trung Quốc từ 10NDT (mười nhân dân tệ) đến 30NDT (ba mươi nhân dân tệ). Sau mỗi ván ai thắng thì bỏ ra 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 20.000đ (hai mươi nghìn) vào góc riêng để làm chi phí cho Nông Đình D mua thức ăn nấu cháo hoặc nước uống, việc bỏ tiền ra riêng cho D là hoàn toàn tự nguyện chứ D không yêu cầu. Số tiền Việt Nam và tiền Trung Quốc đã thu giữ đều là số tiền của những người dùng để đánh bạc, còn số tiền phát hiện trên gác bếp là tiền những người đánh bạc thắng để cho chủ nhà Nông Đình D làm chi phí mua thức ăn, nấu cháo và việc đánh bạc của các bị can không có ai đứng ra tổ chức mà cùng rủ nhau chơi.

Tại cơ quan điều tra Nông Đình D là chủ nhà khai nhận được tham gia đánh bạc cùng với mọi người, sau mỗi ván ai thắng sẽ để số tiền 10.000 đồng đến 20.000 đồng cho D đi mua thức ăn nấu cháo và mua nước uống cho những người đánh bạc, đánh được một lúc D ra ngoài mua thuốc lá quay về đã thấy mọi người bị bắt.

Đối với số tiền 575 NDT tiền Trung Quốc, ngày 23/7/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TK ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Cao Bằng và có công văn đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện TK xác định tỷ giá. Tại bản kết luận giám định tiền CNY số 348/KL-CAB ngày 15/6/2018 của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Cao Bằng kết luận: số tiền đã gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng nhân dân Trung Quốc phát hành. Tại công văn số 178/NHNN-KTKQ ngày 11/7/2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện TK xác định số tiền nhân dân tệ Trung Quốc quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm ngày 7/5/2018 là 575 NDT x tỷ giá 3.582 đồng = 2.059.650 đồng (*hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng*). (BL 59, 60, 61, 62)

Những người làm chứng Nông Thị D, Hoàng Ích C và Triệu Văn Đ khai nhận được biết và nhìn thấy nhiều người tham gia đánh bạc vào tối ngày 05/7/2018 tại nhà Nông Đình D tại xóm B, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng trong đó có các bị cáo D, C, B, H, D, H1 còn đánh bằng hình thức ăn thua như thế nào thì không biết.

Bản cáo trạng số 25/CT - VKSTK ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Đình D, Lục Văn C, Trương Huy B, Nông Thị H, Nông Thị D, Nông Thị H1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Nông Đình D, Lục Văn C, Trương Huy B, Nông Thị H, Nông Thị D, Nông Thị H1 phạm tội Đánh bạc và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt các bị cáo Nông Đình D, Lục Văn C, Trương Huy B, Nông Thị H, Nông Thị D, Nông Thị H1 mức án từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định của pháp luật:

Cần tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng là các công cụ dùng vào việc phạm tội hoặc không có giá trị sử dụng gồm:

+ 07 bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá (5 bộ còn nguyên vẹn, chưa sử dụng) +86 lá bài tú lơ khơ;

+ 03 bộ bài tổ tôm loại 120 lá (chưa sử dụng) + 61 lá bài tổ tôm;

+ 14 Chiếc dép các loại;

+ 01 tấm vải nhiều màu;

* Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước đối với: Số tiền 8.400.000đ tiền Việt Nam và 575 NDT tiền Trung Quốc do liên quan đến vụ án;

* Tuyên trả các vật chứng sau do không liên quan đến vụ án;

+ 06 điện thoại di động cho các bị cáo, cụ thể:

01 điện thoại di động đen trắng, vỏ màu đen, bàn phím nổi đã qua sử dụng cho bị cáo Nông Đình D;

01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu Sony, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, màn hình cảm ứng màu đen mặt sau ghi số 004401602084 cho bị cáo Trương Huy B;

01 điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE Iphone 6 màu gold đã qua sử dụng cho bị cáo Nông Thị H;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, bàn phím nổi đã qua sử dụng cho bị cáo Nông Thị D;

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, màn hình cảm ứng đã vỡ, đã qua sử dụng cho bị cáo Nông Thị H1;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vion màu xanh, BKS 11K1-089.44 cho bị cáo Nông Thị H;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Waves màu đỏ BKS 11F7-9356, số máy HC12E0024562, số khung HLHC 18098Y512706 cho bị cáo Nông Đình D.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự: Áp dụng khoản 2, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và lời luận tội của VKSND huyện TK là đúng và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

"Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:"

[1]. Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu được trong vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Đủ cơ sở chứng minh: Hồi 23 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 5 năm 2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TK bắt quả tang Lục Văn C; Trương Huy B; Nông Thị H; Nông Thị D và Nông Thị H1 đang có hành vi đánh bạc tại nhà bếp của Nông Đình D. Vật chứng thu giữ gồm: 06 bộ tú lơ khơ loại 52 lá; 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) thu ở trên bàn đánh bạc; 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) thu trên gác bếp nhà Nông Đình D và 575 NDT tiền Trung Quốc quy đổi ra tiền Việt Nam là 2.059.650 đồng. Hình thức là đánh ba cây trầu làng, dùng bộ bài 52 lá để đánh, mỗi ván ăn thua bằng tiền Việt Nam từ 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) hoặc tiền Trung Quốc từ 10NDT (mười nhân dân tệ) đến 30NDT (ba mươi nhân dân tệ). Sau mỗi ván ai thắng thì bỏ ra 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 20.000đ (hai mươi nghìn) vào góc riêng để làm chi phí cho Nông Đình D mua thức ăn nấu cháo hoặc nước uống và việc đánh bạc của các bị cáo không có ai đứng ra tổ chức mà cùng rủ nhau chơi.

Do đó, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nông Đình D, Lục Văn C, Trương Huy B, Nông Thị H, Nông Thị D, Nông Thị H1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nông Đình D, Lục Văn C, Trương Huy B, Nông Thị H, Nông Thị D, Nông Thị H1 có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. *Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội*: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4]. Trong vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không có sự phân công vai trò cụ thể; bị cáo Nông Đình D là chủ nhà cùng tham gia đánh bạc và được nhận tiền từ các con bạc để mua thức ăn, nước uống phục vụ việc đánh bạc nên phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác; Các bị cáo còn lại là đồng phạm trực tiếp tham gia đánh bạc.

[5]. *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có tình tiết tăng nặng áp dụng đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6]. *Xét về nhân thân của các bị cáo thấy:* Các bị cáo đều là người lao động làm thuê, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với từng bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7]. *Về hình phạt bổ sung:* Quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng và hoàn cảnh các bị cáo là thành phần nông dân, lao động làm thuê chỉ vì ham vui nhất thời nên quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8]. *Về vật chứng:*

- Đối với 07 bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá (5 bộ còn nguyên vẹn, chưa sử dụng) + 86 lá bài tú lơ khơ; 03 bộ bài tổ tôm loại 120 lá (chưa sử dụng) + 61 lá bài tổ tôm; 14 chiếc dép các loại và 01 tấm vải nhiều màu là đồ vật có liên quan đến tội phạm cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 8.400.000đ tiền Việt Nam và 575 NTD tiền Trung Quốc là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 06 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc điện thoại di động, loại đen trắng, vỏ màu đen, bàn phím nổi, đã qua sử dụng thu của bị cáo Nông Đình D; 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu SONY, 01 chiếc không rõ nhãn hiệu màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau ghi số 004401602084) thu của bị cáo Trương Huy B; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại Iphone, màu gold đã qua sử dụng thu của bị cáo Nông Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, bàn phím nổi đã qua sử dụng thu của bị cáo Nông Thị D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, màn hình đã vỡ, đã qua sử dụng thu của bị cáo Nông Thị H1. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay không chứng minh được các bị cáo đã dùng điện thoại vào việc đánh bạc Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại 06 chiếc điện thoại nêu trên cho các bị cáo.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, BKS 11K1-089.44 là xe của bị cáo Nông Thị H, nhưng không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVES màu đỏ, biển số 11F7-9356, số máy HC12E0024562, số khung HLHC 18098Y512706 của bị cáo Nông Đình D, D khai chiếc xe do D nhờ em trai là Nông Đình H mua từ năm 2010 ở hiệu cầm đồ Thu Thủy thuộc tổ 4, phường T, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng có giấy tờ mua bán hợp pháp ngày 28/10/2010. Hội đồng xét xử xét chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc của bị cáo Nông Đình D nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

Về biển số 11F7 - 9356 tiến hành tra cứu tên chủ xe đăng ký là Đàm Văn L, trú tại L, C, P; xe nhãn hiệu Honda, màu đỏ - đen, loại KVRL số khung 103861, số máy 5203952 anh L khai chiếc xe của anh đã bị mất trộm từ năm 2009 tại Pác Liêng, Đại Sơn, Phục Hòa, Cao Bằng. Anh L khai sau khi bị mất xe đã trình báo Đoàn Biên Phòng Tà Lùng, tuy nhiên khi tiến hành điều tra, xác minh và tra cứu số khung, số máy chiếc xe Honda WaveS BKS 11F7 – 9356 cơ quan điều tra Công an huyện TK đã thu giữ của bị cáo Nông Đình D không trùng khớp với số khung, số máy trên giấy tờ xe mang tên anh Đàm Văn L, do đó, chỉ có biển số xe là chính chủ anh L. Tại phiên tòa anh L không có yêu cầu

Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 11 chiếc xe mô tô và 02 chiếc điện thoại di động cơ quan điều tra đã thu giữ trong quá trình bắt quả tang và khám xét, quá trình điều tra đã xác minh được những người để xe ở sân nhà Nông Đình D không thực hiện hành vi đánh bạc hay liên quan đến việc đánh bạc nên đã trao trả lại cho các chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Trong những người bị bắt quả tang tại nhà Nông Đình D có Nông Thị D, Triệu Văn Đ, Nông Thị B, Hoàng Ích C không thừa nhận việc tham gia đánh bạc. Nông Thị D là vợ của Nông Đình D khai do mấy hôm vừa qua bố ốm ở BD, Đ nhiều ngày lên chăm bố nên mệt về nhà ăn cơm xong đi ngủ luôn nên mọi người đến đánh bạc lúc nào D không biết; Triệu Văn Đ khai do say rượu nên chỉ ngồi trên nhà uống nước, không tham gia đánh bạc; Nông Thị Bích khai được mang áo lên trả con của Nông Đình D, khi Công an bắt thấy mọi người chạy nên cũng chạy theo; Hoàng Ích C khai đến nhà D chơi và uống nước, mọi người dưới bếp ai đánh bạc nhiều và đánh bằng hình thức gì C không biết. Ngoài lời khai của các đối tượng ra không có chứng cứ nào chứng minh các đối tượng này tham gia đánh bạc nên không đủ cơ sở để xử lý đối với các đối tượng đã nêu.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nông Đình D, Lục Văn C, Trương Huy B, Nông Thị H, Nông Thị D và Nông Thị H1 phạm tội: “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nông Đình D 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án, ngày 14/8/2018.

- Xử phạt các bị cáo Lục Văn C, Nông Thị H, Nông Thị D, Nông Thị H1, Trương Huy B 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án, ngày 14/8/2018.

Giao các bị cáo D, C, H, D, H1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trương Huy B cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a,b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.400.000đ tiền Việt Nam và 575 NDT tiền Trung Quốc thu giữ tại chiếu bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 07 bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá (5 bộ còn nguyên vẹn, chưa sử dụng) + 86 lá tài tú lơ khơ và 03 bộ bài tổ tôm loại 120 lá (chưa sử dụng) + 61 lá bài tổ tôm.

- Tịch thu tiêu hủy 14 chiếc dép các loại, 01 tấm vải nhiều màu.

- Trả lại cho bị cáo Nông Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, BKS 11K1- 089.44 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE loại Iphone, màu gold đã qua sử dụng không liên quan đến việc đánh bạc của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Nông Đình D 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVES màu đỏ, BKS 11F7-9356, số máy HC12E0024562, số khung HLHC 18098Y512706 và 01 điện thoại di động loại đen trắng, vỏ màu đen, bàn phím nổi đã qua sử dụng không liên quan đến việc đánh bạc của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Trương Huy B 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu SONY, 01 chiếc không rõ nhãn hiệu màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau ghi số 004401602084 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nông Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, bàn phím nổi, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nông Thị H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, màn hình đã vỡ, đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang cơ quan chỉ cục thi hành án dân sự huyện TK tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/8/2018.

3. Về án phí, áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nông Đình D, Lục Văn C, Trương Huy B, Nông Thị H, Nông Thị D, Nông Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

4. Các Bị cáo và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nông Đình H là người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa hình sự TAND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh CB;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND TK;
- Công an TK;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS TK;
- UBND Đ;
- UBND xã M (H);
- Các Bị cáo;
- Lưu HS THAHS;
- Lưu Hồ sơ án văn;

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Doãn Trường